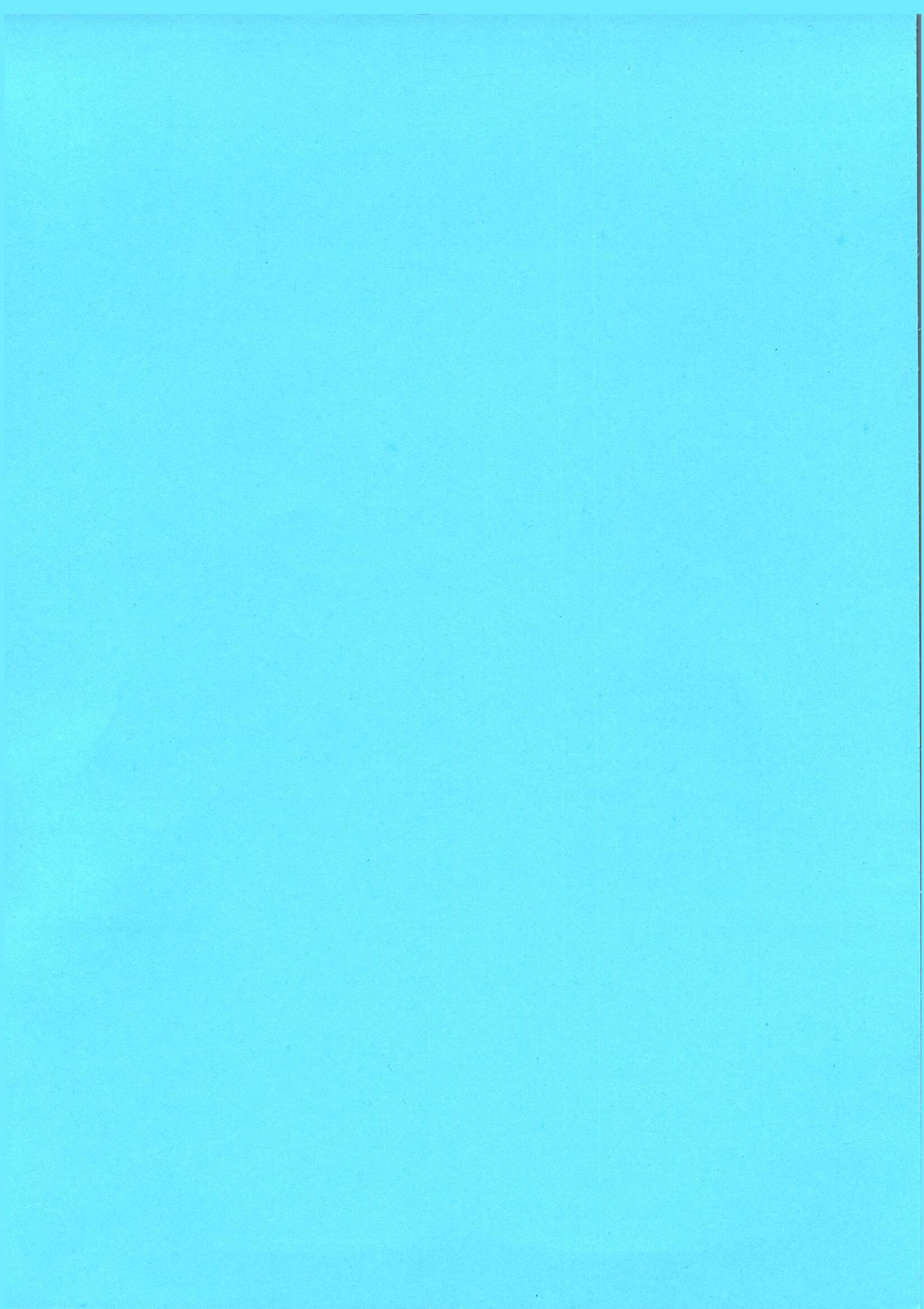


UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

BÁO CÁO GIÁM SÁT QUÝ I NĂM 2026

Tháng 04 - 2026



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Số: 457/NSHN-TCKT
V/v: Báo cáo giám sát Quý I-2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026

Kính gửi: Sở Tài chính Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15, đặc biệt khoản 1 Điều 54 quy định về chế độ báo cáo phục vụ công tác giám sát quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về giám sát vốn nhà nước tại doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế hoạt động của Công ty.

Công ty Nước sạch Hà Nội báo cáo Sở Tài chính về tình hình giám sát quản lý, sử dụng vốn nhà nước động Quý I năm 2026 của Công ty (các số liệu trong báo cáo giám sát là số liệu ước tính đến 31/03/2026 do Công ty Nước sạch Hà Nội và các công ty con, công ty liên kết đang thực hiện lập báo cáo tài chính bán niên theo quy định) như sau:

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Ngày 31/3/2026, Sở Tài chính Hà Nội ban hành Quyết định số 4614/QĐ-STC về việc giao chỉ tiêu đánh giá, xếp loại doanh nghiệp năm 2026 của Công ty mẹ - Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội.

Tính đến thời điểm 31/03/2026, tình hình thực hiện kế hoạch năm 2026 của công ty dự kiến đạt được kết quả như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm	Thực hiện Quý I/2026	Tỷ lệ so kế hoạch
- Tổng doanh thu:	3.128.662	661.125	21,13%
- Lợi nhuận sau thuế:	267.980	105.077	39,21%
- Tỷ suất LNST/vốn chủ sở hữu:	7,20%	2,87%	39,86%
- Giá trị khối lượng thực hiện hoặc giá trị giải ngân đối với dự án đầu tư do doanh nghiệp là cơ quan chủ quản theo Luật Đầu tư công; khoản đầu tư, dự án đầu tư do cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt theo quy định:	Không	Không	
- Thực hiện nhiệm vụ được giao:	Không	Không	

Đánh giá chung:

Trong Quý I năm 2026, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện cơ bản phù hợp với tiến độ kế hoạch năm. Tổng doanh thu đạt 661.125 triệu đồng, tương ứng 21,13% kế hoạch.

Lợi nhuận sau thuế đạt 105.077 triệu đồng, bằng 39,21% kế hoạch năm.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 2,87%, tương ứng 39,86% kế hoạch năm.

Trong kỳ, Công ty không phát sinh hoạt động đầu tư thuộc phạm vi báo cáo theo quy định và không có nhiệm vụ đặc thù được giao, do đó không ảnh hưởng đến kết quả chung.

Trong Quý I năm 2026, Công ty tiếp tục duy trì ổn định hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cơ bản được triển khai theo kế hoạch đề ra; doanh thu, lợi nhuận và nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước được thực hiện đầy đủ theo quy định.

II. Tình hình quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp**1. Vốn nhà nước tại doanh nghiệp**

Vốn điều lệ của Công ty: 3.412.000 triệu đồng

Vốn góp Chủ sở hữu tại thời điểm 31/3/2026: 3.656.579 triệu đồng

Trong Quý I năm 2026, Công ty thực hiện quản lý, sử dụng vốn nhà nước theo đúng quy định pháp luật, bảo đảm an toàn vốn.

2. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn

Trong Quý I năm 2026, Công ty cơ bản thực hiện tốt yêu cầu bảo toàn và phát triển vốn nhà nước theo quy định. Vốn chủ sở hữu được duy trì ổn định, không phát sinh các yếu tố làm suy giảm vốn; hoạt động sản xuất kinh doanh có

lãi đã góp phần bổ sung vào nguồn vốn, qua đó nâng cao giá trị vốn chủ sở hữu so với đầu kỳ.

Hiệu quả sử dụng vốn được cải thiện, thể hiện qua việc lợi nhuận sau thuế đạt 39,21% kế hoạch năm và tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 39,86% kế hoạch, cao hơn tiến độ thực hiện doanh thu. Điều này cho thấy Công ty đã có giải pháp quản trị chi phí và khai thác nguồn lực vốn tương đối hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc vừa bảo toàn vừa phát triển vốn.

Trong kỳ, Công ty không phát sinh lỗ, không có các khoản đầu tư rủi ro hoặc tổn thất tài chính lớn; đồng thời chưa phát sinh hoạt động đầu tư mới hoặc giải ngân vốn đầu tư, do đó hạn chế được các yếu tố ảnh hưởng bất lợi đến an toàn vốn. Công tác quản lý tài chính, công nợ và dòng tiền được kiểm soát, góp phần duy trì tính thanh khoản và ổn định nguồn vốn.

Tuy nhiên, do đặc thù Quý I là giai đoạn đầu năm, quy mô doanh thu còn thấp nên việc đánh giá đầy đủ mức độ phát triển vốn cần tiếp tục theo dõi trong các quý tiếp theo.

Nhìn chung, Công ty đã đảm bảo hệ số bảo toàn vốn ở mức an toàn, có xu hướng phát triển tích cực; tạo nền tảng thuận lợi để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và thực hiện mục tiêu bảo toàn, phát triển vốn nhà nước trong năm 2026.

3. Tình hình huy động và sử dụng vốn (phụ lục 02 A chi tiết kèm theo)

Việc cân đối nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, đáp ứng đầy đủ nguồn vốn ngắn hạn, dài hạn cho hoạt động của công ty.

Vốn vay được sử dụng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, trả nợ đúng hạn. Công ty không có nợ quá hạn tại các tổ chức tín dụng.

III. Tình hình đầu tư và quản lý vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác

Đến 31/3/2026, tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác như sau:

1. Đầu tư vào công ty con:

Đến 31/3/2026, số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội: 548.914 triệu đồng, chiếm 96,64% vốn điều lệ.

- Ước tính doanh thu Quý I năm 2026 đạt: 188.847 triệu đồng (đạt 24% kế hoạch năm), lợi nhuận sau thuế là 6.322 triệu đồng (đạt 31% kế hoạch năm).

2. Đầu tư vào công ty liên kết:

2.1 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Viwaco:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 19.655 triệu đồng. Số lượng cổ phần nắm giữ: 7.584.880 cổ phần, chiếm 23,7% vốn điều lệ.

- Ước tính doanh thu Quý I năm 2026 đạt: 246.332 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là 29.325 triệu đồng.

2.2 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hạ tầng Nước sạch Hà Nội:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 2.000 triệu đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.

- Ước tính doanh thu Quý I năm 2026 đạt: 15.000 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là 40 triệu đồng.

2.3 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 132.593 triệu đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.

- Hiện nay, Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng chưa cung cấp số liệu Quý I năm 2026 đã ảnh hưởng đến mức độ đầy đủ của thông tin báo cáo. Công ty đã có văn bản đôn đốc và sẽ tiếp tục theo dõi, yêu cầu các đơn vị thực hiện cung cấp số liệu theo đúng quy định; trường hợp chậm trễ kéo dài, Công ty sẽ tổng hợp, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu để xem xét, xử lý theo quy định.

2.4 Đầu tư vào Công ty cổ phần Tháp nước Hà Nội:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty Cổ phần Tháp nước Hà Nội: 59.340 triệu đồng, chiếm 30% vốn điều lệ.

- Ước tính doanh thu Quý I năm 2026 đạt: 10.281 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là 4.016 triệu đồng.

2.5 Đầu tư khác

Công ty Nước sạch Hà Nội thực hiện góp vốn vào Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống: số vốn đã góp 99.961 triệu đồng, chiếm 10% vốn điều lệ).

- Ước tính doanh thu Quý I năm 2026 đạt: 184.794 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là 4.750 triệu đồng.

IV. Giám sát việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác

1. Việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp

Trong Quý I năm 2026, Công ty Nước sạch Hà Nội chưa nhận được chỉ đạo mới của UBND Thành phố Hà Nội liên quan đến việc cơ cấu lại vốn nhà nước theo kiến nghị của Bộ Tài chính. Công ty đã chủ động rà soát, đối chiếu các quy định pháp luật về cổ phần hóa, cơ cấu lại doanh nghiệp và kiểm tra việc chấp hành các chính sách theo quy định.

Đồng thời, Công ty tiếp tục theo dõi, cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo của UBND Thành phố Hà Nội và các cơ quan chức năng; sẵn sàng triển khai thực hiện ngay khi có ý kiến chỉ đạo chính thức. Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung vượt thẩm quyền, Công ty sẽ chủ động báo cáo, đề xuất UBND Thành phố và Sở Tài chính xem xét, hướng dẫn để đảm bảo thực hiện đúng quy định pháp luật.

2. Việc triển khai xây dựng Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết năm 2026 và những năm tiếp theo

Trong Quý I năm 2026, Công ty Nước sạch Hà Nội đang tổ chức rà soát, cập nhật và hoàn thiện Đề án nhằm đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn, định hướng phát triển ngành cấp nước và yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

3. Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác

a) Đối với công ty con

Trong Quý I năm 2026, Công ty Nước sạch Hà Nội tiếp tục giữ nguyên tỷ lệ vốn góp tại đơn vị này theo Đề án đã báo cáo nhằm đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác cấp nước và thực hiện nhiệm vụ được UBND Thành phố giao, với giá trị vốn góp 548.914 triệu đồng, chiếm 96,64% vốn điều lệ.

b) Đối với công ty liên kết

- Công ty Cổ phần VIWACO: vốn góp 19.655 triệu đồng, chiếm 23,7% vốn điều lệ;

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng hạ tầng Nước sạch Hà Nội: vốn góp 2.000 triệu đồng, chiếm 20% vốn điều lệ;

- Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng: vốn góp 132.593 triệu đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.

Các doanh nghiệp nêu trên hiện không thuộc danh mục thoái vốn của Công ty.

- Công ty Cổ phần Tháp nước Hà Nội: giá trị vốn góp 59.340 triệu đồng, chiếm 30% vốn điều lệ. Công ty tiếp tục đề xuất thực hiện thoái vốn nhà nước tại đơn vị này khi được UBND Thành phố Hà Nội và cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Công ty sẽ căn cứ nội dung Đề án được phê duyệt để xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thoái vốn theo đúng quy định.

c) Đối với các khoản đầu tư khác

Tại Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Đuống, theo chỉ đạo của UBND Thành phố Hà Nội, Công ty Nước sạch Hà Nội tham gia góp 10% vốn điều lệ; đến nay đã góp 99.961 triệu đồng, tương đương 10% vốn điều lệ.

Theo nội dung Văn bản số 627/NSHN-TCKT ngày 14/3/2025 của Công ty gửi UBND Thành phố Hà Nội và Sở Tài chính về Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết năm 2025 và những năm tiếp theo, Công ty đã đề xuất: *"Thành phố xem xét cho phép Công ty tăng tỷ lệ vốn góp lên mức 36% - 51% vốn điều lệ (nếu đủ điều kiện) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo đảm an ninh nguồn nước cho Thành phố"*.

V. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

Trong Quý I năm 2026, Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định, với tổng số đã nộp ngân sách là 83.917 triệu đồng.

VI. Tình hình thực hiện nhiệm vụ do cơ quan đại diện chủ sở hữu giao

Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ do cơ quan đại diện chủ sở hữu giao, bao gồm:

Thực hiện nhiệm vụ cung cấp nước sạch phục vụ nhân dân trên địa bàn Thành phố;

Quản lý, vận hành hệ thống cấp nước đảm bảo an toàn, ổn định;

Thực hiện các nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ công ích do Thành phố giao.

VII. Đánh giá chung

Trong Quý I năm 2026, Công ty cơ bản đáp ứng các tiêu chí giám sát tài chính theo quy định, không phát sinh rủi ro lớn ảnh hưởng đến an toàn vốn nhà nước;

Vốn nhà nước được bảo toàn và phát triển;

Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý tài chính và đầu tư vốn;

Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

VIII. Kiến nghị

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Công ty kính đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét:

- Tiếp tục tạo điều kiện cho Công ty triển khai các dự án đầu tư phát triển hệ thống cấp nước;

- Hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cơ chế quản lý tài chính và đầu tư vốn.

Công ty Nước sạch Hà Nội kính báo cáo Sở Tài chính Hà Nội.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTV (để b/c);
- KSV Công ty;
- Ban TGD;
- Lưu: HCQT(3b); TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC 



Đặng Ngọc Hải

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án				Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư				Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động 2026			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2026			Giải ngân năm 2026			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng			
			A	B	C	KT KT		Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động		%	Tổng số giải ngân năm 2026	Thời hạn vay (năm)	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2026	Đến 31/3/2026	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2026		Đến 31/3/2026		
8	Nâng công suất NMN Bắc Thăng Long lên 300.000m3/ngđ theo quy hoạch	- Nâng CS NMN từ 150.000m3/ngày lên 300.000m3/ngày; + XD trạm bơm dâng, cụm bể phân ứng, lắng lamella, cụm bể lọc, bể chứa nước sạch; + Nâng CS trạm bơm II lên 200.000m3/ngày; + Lắp đặt TB đảm bảo CS 300.000m3/ngày; + Lắp đặt hệ thống điều khiển tổng thể CS 300.000m3/ngày. - XD các tuyến ống truyền dẫn		x				1.546.000	541.100	35%	1.004.900	65%	2026-2027				146	-	146	146	407	553			
9	Nghiên cứu bổ sung nguồn khai thác cho NMN Nam Dư	Bổ sung nguồn nước thô cho NM bằng nguồn nước mặt sông Hồng để đảm bảo công suất TK		x				195.000	48.750	25%	146.250	75%	2026-2027				147	-	147	147	-	147			
10	Cải tạo thay thế cụm van V2 của các nhà máy Ngô Sỹ Liên, Mai Dịch và Lương Yên	+ Thay thế bộ điều khiển hydroset của van V2 bằng động cơ điều khiển điện của 03 NM (MD: 12, NSL: 8, LY2: 6) + Lắp đặt 05 bộ TB đo độ đục 03 NM + Lắp đặt tủ điều khiển động cơ van V2 và cấp nhớt vào hệ thống Scada của NM.				x		19.500	19.500	100%			2026												
11	Khoan thay thế giếng khai thác nước thô H2 Gia Lâm	Khoan thay thế giếng H2 NMNGL để phục hồi công suất khai thác; +Đầu nối với tuyến nước thô hiện có + Bổ sung thiết bị quan trắc, truyền dữ liệu, tủ điều khiển				x		4.000	4.000	100%			2026												
12	Nghiên cứu bổ sung nguồn khai thác cho NMN Gia Lâm	Bổ sung nguồn nước thô cho NM bằng nguồn nước mặt sông Hồng để đảm bảo công suất TK		x				300.000	75.000	25%	225.000		2026-2027												
II	Các dự án Cải tạo chống TTTT							597.141	275.505		321.636						8.368		78.204	14.195	92.399	78.204	14.975	93.179	54.282
B	Các dự án nhóm B, C và BCKTKT							597.141	275.505		321.636						8.368		78.204	14.195	92.399	78.204	14.975	93.179	54.282
1	Cải tạo MLCN và chống TTTT KV Ô 1B XN Cầu Giấy	+ Thay thế, bổ sung tuyến PP HDPE DN110-160, L= 825; + Thay thế, bổ sung tuyến PP ST DN100-225, L= 289m. + Thay thế, bổ sung tuyến HDPE D160, L= 68m; + Thử áp lực toàn bộ tuyến TD-PP hiện trạng, L=42.398,5m; + Thử áp lực, thay thế, bổ sung tuyến DV HDPE DN50-DN63, L= 82.357m; + Cài tạo ĐH KH: 13.548 bộ; + Thay thế ĐHDK: 1.804 bộ.		x			897/QĐ-NSHN-CTCN ngày 04/4/2025	107.581	44.678	42%	62.903	58%	2025-2026				27.111	-	27.111	27.111	243	27.354			
2	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thu khu vực DMA 2+3 Ô 19C2B - Xí nghiệp Hoàng Mai	+ Thử áp lực, thay thế, bổ sung tuyến PP DN110-HDPE, L=230m; +Thử áp lực, thay thế, bổ sung tuyến PP gang DN100-200, L= 8.939m; +Thử áp lực, thay thế, bổ sung tuyến DV HDPE DN50 - DN63, L= 19.110m; +cài tạo ĐH KH: 3.022 bộ; +Thay thế ĐHDK: 1.722 bộ.				x	1423/NSHN-CTCN ngày 20/5/2025	21.239	21.239				2025-2026				5.607	-	5.607	5.607	-	5.607			
3	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thu Ô16B - Đống Đa	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thu		x			463/QĐ-NSHN-CTCN ngày 29/02/2024	55.489	25.316	46%	30.173	54%	2024-2025	8.368	10	Thả nổi	43.589	14.195	57.784	43.589	14.195	57.784	54.282		

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án				Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động 2026			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2026			Giải ngân năm 2026	Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng			
			A	B	C	KT KT		Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số giải ngân năm 2026	Thời hạn vay (năm)	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2026	Đến 31/3/2026			Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2026	Đến 31/3/2026
4	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thu khu vực Ô19E1 cũ - Xi nghiệp Hoàng Mai	+Thử áp lực, thay thế, bổ sung tuyến PP DN110-HDPE, L=1.853m; +Thử áp lực, thay thế, bổ sung tuyến DV HDPE DN50 - DN63, L= 4.275m; + Cải tạo ĐH KH: 1.073 bộ;				x	2433/NSHN-CTCN ngày 26/8/2025	7.025	7.025								1.770	-	1.770	1.770	31	1.801		
5	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thu khu vực Ô1A - Xi nghiệp Cầu Giấy	+ Thử áp lực, thay thế, bổ sung tuyến PP, L= 26.463m; + Thử áp lực, thay thế, bổ sung tuyến DV HDPE DN50-DN63, L=41.068m; + Cấp nước vào nhà: 8.874 ĐHKH; trong đó 1.424 ĐH định kỳ.				x		69.293	36.420	53%	32.873	47%	2025-2026				127		127	127	361	488		
6	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thu khu vực Ô13 - Xi nghiệp Đống Đa	- Lắp đặt bổ sung đồng hồ tổng chia tách DMA, bổ sung tuyến phân phối - Cải tạo, thử áp lực 20.699m phân phối DN90-200, 46.663m ống dịch vụ DN63-50. - Cải tạo 12.737 cụm đồng hồ khách hàng.				x		95.268	45.831	48%	49.437	52%	2026-2027								145	145		
7	Cải tạo mạng lưới cấp nước, chống thất thoát Ô21b (các khu vực: B1, B4.1, B4.2, B4.4; B5.2; B5.3) - XN KDNS Hai Bà Trưng	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thu				x		14.902	14.902	100%		0%	2026-2027											
8	Cải tạo mạng lưới cấp nước, chống thất thoát Ô21A (A1; A2; A3) - XN KDNS Hai Bà Trưng	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thu				x		31.344	31.344	100%		0%	2026-2027											
9	Cải tạo MLCN và chống TTTT Ô19C1B DMA 3+4 - XN Hoàng Mai	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thu				x		75.000	18.750	25%	56.250	75%	2026-2027											
10	Cải tạo MLCN và chống TTTT Ô19C1B DMA 1+2 - XN Hoàng Mai	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thu				x		70.000	17.500	25%	52.500	75%	2026-2027											
11	Cải tạo MLCN và chống TTTT Ô19E1 - XN Hoàng Mai	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thu						50.000	12.500	25%	37.500	75%	2026-2027											
III	Các dự án phát triển MLCN							2.534.884	818.086		1.716.798						318.900	12.446	331.346	315.755	34.772	350.527	141.038	
B	Các dự án nhóm B, C và BCKTKT																							
1	XD mạng lưới cấp nước cho các xã Bình Yên, Hạ Bằng, Tân Xã và một phần xã Thạch Hòa huyện Thạch Thất (Gđ I)	+Lắp đặt 11 ĐH điện từ DN150-250 kiểm soát CN; +XD tuyến HDPE DN280, L = 969m; +XD tuyến HDPE DN225, L = 7.436m; +XD tuyến HDPE DN160, L = 15.717m; +XD tuyến HDPE DN110, L = 36.270m +XD tuyến DV HDPE DN50, L = 206.935m; +Lắp đặt ĐH KH: 9.887 bộ.				x	857/QĐ-NSHN-CTCN ngày 03/04/2024	191.824	67.073	35%	124.751	65%	2025-2026	12.202	15	Thả nổi	108.815	-	108.815	107.338	12.202	119.540		
2	XD mạng lưới cấp nước cho 3 xã Tiên Xuân, Yên Bình, Yên Trung và một phần còn lại của xã Thạch Hòa - huyện Thạch Thất (Gđ II)	+Lắp đặt 13 đồng hồ điện từ DN100-300. +Lắp đặt tuyến PP HDPE DN110-225, L = 79.116m. +Lắp đặt tuyến DV HDPE DN50, L=118.182m. +Lắp đặt ĐH khách hàng 5.544 bộ				x	754/QĐ-NSHN-CTCN ngày 27/3/2025	183.902	64.501	35%	119.401	65%	2025-2026				49.975	-	49.975	49.975	298	50.273		

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án				Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động 2026			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2026			Giải ngân năm 2026			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng	
			A	B	C	KT		KT	Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động		%	Tổng số giải ngân năm 2026	Thời hạn vay (năm)	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2026	Đến 31/3/2026	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2026		Đến 31/3/2026
3	Xây dựng hệ thống mạng lưới cấp nước cho xã Thượng Phúc, xã Chương Dương, một phần xã Thường Tín, một phần xã Phú Xuyên (Giai đoạn 2A)	+ XD 01 trạm bơm tăng áp CS Q=730m ³ /h, H=37m; + XD tuyến TD DN800-DI, L= 240 m; DN400-DI, L= 15.200 m; + XD tuyến PP D355-HDPE, L=3.700 m; D315-HDPE, L=900; D110- 280, L=183.000 m; + XD ống DV D50-63, L=424.000 m; + Lắp ĐH CN 41.316 hộ dân.				x		975.272	341.345	35%	633.927	65%	2025-2026				11.491	12.446	23.937	11.491	12.446	23.937		
4	Xây dựng tuyến ống D800; Cải tạo hoàn thiện mạng lưới cấp nước, đấu nối cho các hộ dân xã Hồng Vân, một phần xã Chương Dương (Giai đoạn 2B)	+ XD tuyến TD DN800, L = 4.500m; + XD tuyến TD DN400, L = 5.700m; + Lắp đặt ĐH CN: 11.000 hộ dân.				x		371.000	92.750	25%	278.250	75%	2026-2027								320	320		
5	XD hoàn thiện tuyến ống truyền dẫn DN600 trên đường Vành đai II theo Quy hoạch (Giai đoạn 1- Từ cầu Trung Hòa đến cầu Nhật Tân)	XD tuyến TD DN600, L = 8,87km gồm: +XD tuyến TD DN600, L= 1,99km đi dọc đường Láng; +XD tuyến DN600, L= 1,06km đi dọc đường Bưởi; +Tân dựng lại tuyến TD hiện trạng DN600, L= 1,15km trên đường Bưởi; +XD tuyến DN600, L= 4,67km đi dọc đường Võ Chí Công.				x	1720/QĐ-NSHN-CTCN ngày 17/06/2024	182.893	71.424	39%	111.469	61%	2025-2026				146.346	-	146.346	144.678	1.668	146.346	141.038	
6	Xây dựng tuyến ống truyền dẫn cấp nước D900 trên đường tính lộ 23 từ NMN Bắc Thăng Long đến nút giao cầu vượt Kim Chung	+ XD tuyến TD DN900-DI, L=1920.8m trên Tỉnh lộ 23 từ NMN BTL đến nút giao cầu vượt Kim Chung.				x	17440/QĐ-NSHN-CTCN ngày 10/6/2025	81.005	28.352	35%	52.653	65%	2025-2026				2.273	-	2.273	2.273	7.333	9.606		
7	Xây dựng tuyến ống truyền dẫn DN1000 dọc theo Quốc lộ 32 từ đường 70 về Vành đai 3 (ngã tư Xuân Thủy - Phạm Hùng)	+ XD hai tuyến TD để bổ sung nguồn nước sạch cho các phường Từ Liêm, Cầu Giấy, Nghĩa Đô; Tuyến D1000, L=5km từ đường 70 về VĐ3.				x		268.210	67.052	25%	201.158	75%	2027											
8	Xây dựng tuyến ống truyền dẫn DN800-DN1.000, từ nút giao đường Vành đai 3 (BigC) - Trần Duy Hưng đến nút giao đường Văn Cao - Thụy Khuê	XD tuyến TD để bổ sung nguồn nước sạch cho các phường Ba Đình, Ngọc Hà: + Đoạn 1: tuyến D1000, L=1,7km dọc Trần Duy Hưng từ Big C đến đường Láng; + Đoạn 2: tuyến D1000, L=1,8km dọc Nguyễn Chí Thanh từ Láng đến Kim Mã; + Đoạn 3: tuyến D1000, L=1km dọc Liễu Giai từ Kim Mã đến Đội Cấn; + Đoạn 4: tuyến D800, L=0,8km dọc Văn Cao từ Đội Cấn đến Thụy Khuê;				x		226.230	57.557	25%	168.673	75%	2027											
9	Dự án Xây dựng tuyến ống DN300 trên phố Chùa Láng cấp nước tăng cường cho khu vực ÔA - Xí nghiệp Đồng Đa	+ XD tuyến DN300 dọc đường Chùa Láng CN tăng cường khu vực ÔA Đồng Đa, L = 1.5 km				x		13.754	13.754	100%		0%	2026											
10	XD tuyến ống DN400 cấp nước tăng cường cho khu Ngoại Giao Đoàn, khu Tây Hồ Tây theo Quy hoạch	+ XD tuyến TD DN400 CN tăng cường cho khu Ngoại Giao Đoàn, khu Tây Hồ Tây gồm: 02 tuyến TD HDPE DN400, L = 3.200m.				x		40.794	14.278	35%	26.516	65%	2026								505	505		
IV	Các dự án khác							12.818	26.109								1.722	-	1.722	1.722	119	1.841		
1	Khôi phục cụm xử lý bùn cặn của NMN Tương Mai bị ảnh hưởng do GPMB	Khôi phục cụm xử lý bùn cặn của NMN Tương Mai				x	2964/QĐ-NSHN-CTCN ngày 01/10/2025	6.409	6.409	100%		0%	2025-2026				1.722	-	1.722	1.722	119	1.841		

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án				Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư				Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động 2026			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2026			Giải ngân năm 2026			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng		
			A	B	C	KT		KT	Tổng	Vốn chủ sở hữu	%		Vốn huy động	%	Tổng số giải ngân năm 2026	Thời hạn vay (năm)	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2026	Đến 31/3/2026	Kỳ trước chuyển sang		Thực hiện năm 2026	Đến 31/3/2026
2	Nâng cấp cải tạo hệ thống Scada Wince và Pmac - Trung tâm văn hành cấp nước	XD HT điều hành thông minh theo 2 cấp: + Cấp 1: tại các Nhà máy nước; gồm phần tử thu thập dữ liệu và máy tính lưu trữ data; + Cấp 2: tại Công ty; đầu tư máy chủ và HT phần mềm;				x		6.409	19.700	307%														

Ghi chú: Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền. Các dự án nêu trên là dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp.



Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2026
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC
 PHÓ GIÁM ĐỐC *ky*

Hoa

Trần Thị Thu Hoài

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn điều lệ 31/03/2026	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty con công ty liên kết	Ghi chú
		Giá trị vốn góp			Tỷ lệ vốn góp (%)					Tại thời điểm 31/12/25	Tại thời điểm 31/03/26	Tại thời điểm 31/12/25	Tại thời điểm 31/03/26					
		Kế hoạch	Tại thời điểm 31/12/25	Tại thời điểm 31/03/26	Kế hoạch	Tại thời điểm 31/12/25	Tại thời điểm 31/03/26											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
I	Công ty con																	
1	CTCP Nước sạch số 2 Hà Nội		548.914	548.914		96,64%	96,64%	568.000	574.322	778.006	188.847	20.335	6.322			> 1	1,78	
II	Công ty liên kết																	
1	CTCP Vivaco		19.655	19.655		23,70%	23,70%	480.000	884.609	1.141.074	246.332	180.186	29.325			< 1	0,38	
2	CTCP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Nước sạch Hà Nội		2.000	2.000		20,00%	20,00%	10.000	10.000	5.295	15.000	3,6	40			<1	0,28	
3	CTCP nước mặt Sông Hồng		132.593	132.593		20,00%	20,00%	670.919	670.919	445		-	-			>1	-	
4	CTCP Thấp nước Hà Nội		59.340	59.340		30,00%	30,00%	197.800	234.561	38.588	10.281	14.378	4.016			>1	1,85	
III	Đầu tư tài chính		1.259.961	99.961		-	10,00%	10,00%	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
1	CTCP nước mặt Sông Đuống		99.961	99.961		10,00%	10,00%	999.611	999.611	944.353	184.794	320.697	4.750			>1	0,01	
2	Đầu tư tài chính khác		1.160.000															

Ghi chú:

Cột "3" đến "8": số vốn góp, vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty con, công ty liên kết, giá gốc của các khoản đầu tư

Cột "9": Vốn Điều lệ của công ty con, công ty liên kết

Cột "10": Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm báo cáo

Cột "11" và "12": doanh thu của công ty con, công ty liên kết

Cột "13" và "14": Lợi nhuận của công ty con, công ty liên kết

Cột "15": Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp có vốn góp

Các cột có đánh dấu x không cần điền dữ liệu

Đánh giá của doanh nghiệp

Đánh giá của doanh nghiệp về hiệu quả đầu tư vốn tại công ty con, công ty liên kết: Đến hết Quý I năm 2026, việc đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên kết đúng quy định. Các đơn vị này cơ bản hoạt động ổn định.

Riêng Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng chưa cung cấp số liệu Quý I năm 2026, do đó Công ty Nước sạch Hà Nội chưa có cơ sở để đánh giá hiệu quả đầu tư vốn tại đơn vị. Công ty đã có văn bản đôn đốc và sẽ tiếp tục theo dõi, yêu cầu đơn vị cung cấp số liệu theo đúng quy định; trường hợp chậm trễ kéo dài, Công ty sẽ tổng hợp, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu để xem xét, xử lý theo quy định.

Người lập biểu

(Ký)

Nguyễn Thị Phương

Tổng Giám đốc

(Ký, đóng dấu)



Đặng Ngọc Hải

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Nội dung	Cùng kỳ năm 2024	Cùng kỳ năm 2025	Thực hiện năm 2026		Biến động so với (tỷ lệ %) TH/KH năm 2026
			Kế hoạch	Thực hiện đến 31/03/26	
	1	2	3	4	5=(4)/(3)
A. Chi tiêu sản xuất kinh doanh					
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu	241.372.263	246.874.495	249.021.386	59.365.084	23,84%
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu	214.760.294	220.341.641	223.312.928	53.086.251	23,77%
3. Tồn kho cuối kỳ					
B. Chi tiêu tài chính					
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.612.976	2.709.022	2.750.991	629.502	22,88%
2. Giá vốn hàng bán	1.246.429	1.306.849	1.345.084	267.480	19,89%
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.366.547	1.402.173	1.405.907	362.022	25,75%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	159.379	77.174	82.510	31.611	38,31%
5. Chi phí tài chính	100.037	51.485	105.496	16.729	15,86%
6. Chi phí bán hàng	861.287	976.642	917.811	220.170	23,99%
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	220.205	153.146	163.067	25.401	15,58%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	344.397	298.074	302.043	131.334	43,48%
9. Thu nhập khác	13.758	7.252	295.161	12	0,00%
10. Chi phí khác	28.886	4.100	267.642		0,00%
11. Lợi nhuận khác	-15.128	3.152	27.519	12	0,04%
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	329.268	301.225	329.562	131.346	39,85%

13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	101.307	61.958	61.582	26.269	42,66%
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	227.961	239.267	267.980	105.077	39,21%

Ghi chú: Cột (1), (2): Theo BCTC các năm trước liền kề năm Báo cáo. Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính

Người lập biểu
(Ký)



Nguyễn Thị Phương

Tổng Giám đốc

(Ký, đóng dấu) 



Đặng Ngọc Hải

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế				
- Thuế môn bài	-			-
- Thuế GTGT	(4.799.919.687)	-	-	(4.799.919.687)
- Thuế TNDN	(1.261.381.237)	-	-	(1.261.381.237)
- Thuế đất	(3.619.868.559)	3.303.411.624	-	(316.456.935)
- Thuế Tài nguyên	4.519.300.400	12.849.346.615	13.285.820.990	4.082.826.025
- Thuế Thu nhập cá nhân	(1.351.634.228)	5.769.937.402	4.225.976.650	(9.677.324.849)
2. Các khoản phải nộp khác				-
- Nộp phạt				-
- Phí, lệ phí	21.581.998.649	56.591.490.234	66.323.707.674	11.849.781.209
- Các khoản phải nộp khác	4.186.496.495		82.080.000	4.104.416.495
3. Nộp Ngân sách nhà nước phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định				

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ QUÝ I NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	149.718.509.731			149.718.509.731
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	40.954.359.999	96.198.356.024	48.987.054.791	88.165.661.232
3. Quỹ thưởng VCQLDN	347.022.360		287.720.126	59.302.234
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN	-			-
5. Quỹ Khoa học công nghệ	164.580.000.000	21.700.000.000	1.900.000.000	184.380.000.000

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhà nước

Người lập biểu
(Ký)



Nguyễn Thị Phượng

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



Đặng Ngọc Hải